

SỞ GD&ĐT CẦN THƠ

TTLT ĐH DIỆU HIỀN

Số 27 – Đường số 1 – KDC Metro

Ninh Kiều – TP.Cần Thơ

ĐT: 0949.355.366 – 0964.222.333

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA

THÁNG 04 - 2017

Môn: Sinh Học

Thời gian làm bài: 50 phút.

Họ, tên:.....Số báo danh:..... **Mã đề thi 745**

NỘI DUNG ĐỀ

(Đề thi gồm 40 câu trắc nghiệm được in trên 06 trang giấy)

Câu 1: Cho một số hiện tượng sau:

- (1) Chim sẻ và chim gõ kiến không giao phối với nhau vì tập tính ve vãn khác nhau.
- (2) Cừu có thể giao phối với dê, có thụ tinh tạo thành hợp tử nhưng hợp tử bị chết ngay.
- (3) Lừa giao phối với ngựa sinh ra con la không có khả năng sinh sản.
- (4) Các cây khác loài có cấu tạo hoa khác nhau nên hạt phấn của loài cây này thường không thụ phấn cho hoa của loài cây khác.

Những hiện tượng nào trên đây là biểu hiện của cách li trước hợp tử?

- A. (2), (3). B. (1), (4). C. (1), (2). D. (3), (4).

Câu 2: Các gen trong nhân tế bào khác nhau chủ yếu ở những đặc điểm nào dưới đây?

- (1) cấu tạo mỗi Nu trong gen.
- (2) số lượng, thành phần, trình tự các Nu.
- (3) số lần nhân đôi.
- (4) số lần phiên mã.

- A. (2) ; (3). B. (1) ; (2). C. (2) ; (4). D. (1) ; (4).

Câu 3: Khi nói về bệnh pheninkêto niệu ở người, phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Có thể phát hiện ra bệnh pheninkêto niệu bằng cách làm tiêu bản tế bào và quan sát hình dạng nhiễm sắc thể dưới kính hiển vi.

B. Chỉ cần loại bỏ hoàn toàn axit amin pheninalanin ra khỏi khẩu phần ăn của người bệnh thì người bệnh sẽ trở nên khỏe mạnh hoàn toàn.

C. Bệnh pheninkêto niệu là bệnh do đột biến ở gen mã hóa enzym xúc tác cho phản ứng chuyển hóa axit amin pheninalanin thành tirôzin trong cơ thể.

D. Bệnh pheninkêto niệu là do lượng axit amin tirôzin dư thừa và ứ đọng trong máu, chuyển lên não gây đầu độc tế bào thần kinh.

Câu 4: Đặc điểm nào dưới đây là điểm giống nhau cơ bản giữa hai dạng đột biến đa bội và lệch bội?

- A. Đều do rối loạn phân ly của 1 hoặc 1 số cặp nhiễm sắc thể tương đồng trong quá trình phân bào
- B. Đều gây ra những hậu quả nghiêm trọng trên kiểu hình.
- C. Đều dẫn đến tình trạng mất khả năng sinh sản.
- D. Đều là dạng đột biến số lượng nhiễm sắc thể.

Câu 5: Quan sát một tháp sinh khối, chúng ta có thể biết được những thông tin nào sau đây?

- A. Mức độ dinh dưỡng ở từng bậc và toàn bộ quần xã.
- B. Quan hệ giữa các loài trong quần xã.
- C. Các loài trong chuỗi và lưới thức ăn.
- D. Năng suất của sinh vật ở mỗi bậc dinh dưỡng.

Câu 6: Kỹ thuật cấy gen hiện nay thường **không** sử dụng để tạo

- A. thể đa bội.
- B. hoocmôn insulin.
- C. hoocmôn sinh trưởng.
- D. chất kháng sinh.

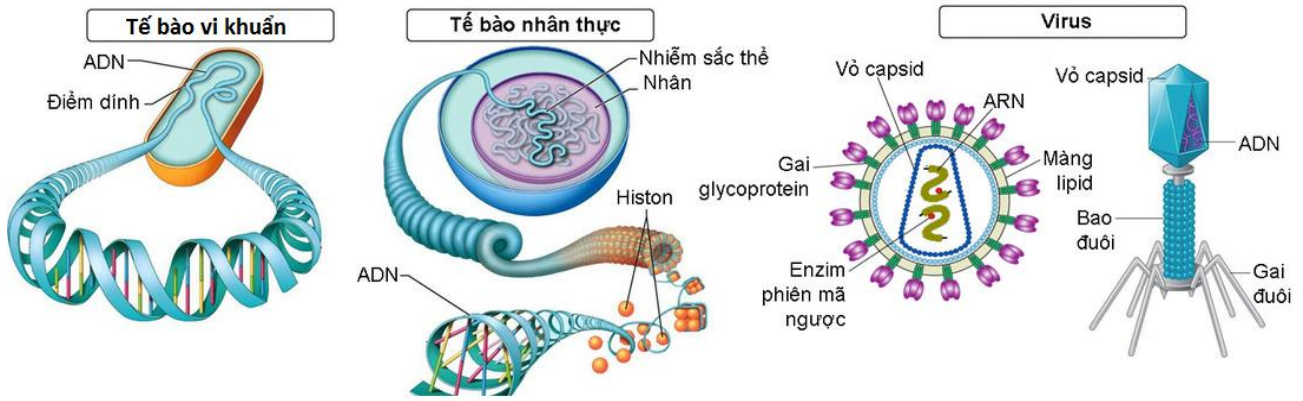
Câu 7: Khi trong một sinh cảnh cùng tồn tại nhiều loài gần nhau về nguồn gốc và có chung nguồn sống thì sự cạnh tranh giữa các loài sẽ

- A. làm gia tăng số lượng cá thể của mỗi loài.
- B. làm cho các loài trên đều bị tiêu diệt.
- C. làm chúng có xu hướng phân li ổ sinh thái.
- D. làm tăng thêm nguồn sống trong sinh cảnh.

Câu 8: Khi nói về đại Tân sinh, điều nào sau đây **không** đúng?

- A. Cây hạt kín, chim, thú và côn trùng phát triển mạnh.
- B. Được chia thành 2 kỉ, trong đó loài người xuất hiện vào kỉ Đệ tứ.
- C. Ở kỉ đệ tam, bò sát và cây hạt trần phát triển ưu thế.
- D. Phân hoá các lớp chim, thú, côn trùng.

Câu 9: Hình bên dưới mô tả cấu tạo vật chất di truyền của vi khuẩn (sinh vật nhân sơ), sinh vật nhân thực và virut. Dựa vào hình cho biết có bao nhiêu phát biểu **đúng**?



- (1) Ở nhân sơ, các ADN được gọi là plasmid.
 (2) Vật chất di truyền của vi khuẩn có dạng vòng, không liên kết prôtêin, vật chất di truyền của sinh vật nhân thực có dạng thẳng và liên kết với prôtêin.
 (3) Ở sinh vật nhân sơ, mỗi lôcut gen thường chứa 2 alen.
 (4) Vật chất di truyền của virut là ADN (mạch kép hoặc mạch đơn) hoặc ARN (mạch kép hoặc mạch đơn). Cấu trúc của phân tử axit nuclêic trong virut có thể ở dạng thẳng hoặc dạng vòng.
- A. 1. B. 3. C. 4. D. 2.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây là **không** đúng về nhân tố sinh thái?

- A. Nhân tố sinh thái là những nhân tố của môi trường, có tác động và chi phối đến đời sống của sinh vật.
 B. Nhân tố sinh thái là tất cả những nhân tố của môi trường bao quanh sinh vật, có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến đời sống sinh vật.
 C. Nhân tố sinh thái gồm nhóm các nhân tố vô sinh và nhóm các nhân tố hữu sinh.
 D. Nhân tố sinh thái là nhân tố vô sinh của môi trường, có hoặc không có tác động đến sinh vật.

Câu 11: Ngoài việc phát hiện hiện tượng liên kết gen trên nhiễm sắc thể thường và trên nhiễm sắc thể giới tính, lai thuận và lai nghịch đã được sử dụng để phát hiện ra hiện tượng di truyền:

- A. qua tế bào chất. B. trội lặn hoàn toàn, phân ly độc lập.
 C. tương tác gen, trội lặn không hoàn toàn. D. tương tác gen, phân ly độc lập.

Câu 12: Theo quan niệm hiện đại về sự phát sinh sự sống trên Trái Đất, trong giai đoạn tiến hóa hóa học có sự:

- A. tổng hợp những chất hữu cơ từ chất vô cơ theo phương thức hóa học.
 B. tổng hợp những chất hữu cơ từ chất vô cơ theo phương thức sinh học.
 C. hình thành mầm sống đầu tiên từ chất vô cơ nhờ nguồn năng lượng tự nhiên.
 D. hình thành các cơ thể sống đầu tiên từ chất hữu cơ nhờ nguồn năng lượng tự nhiên.

Câu 13: Một nhiễm sắc thể bị đột biến có kích thước ngắn hơn so với nhiễm sắc thể bình thường. Dạng đột biến tạo nên nhiễm sắc thể bất thường này có thể là dạng nào trong số các dạng đột biến sau?

- A. Đảo đoạn nhiễm sắc thể. B. Mất đoạn nhiễm sắc thể.
 C. Lặp đoạn nhiễm sắc thể. D. Chuyển đoạn trong một nhiễm sắc thể.

Câu 14: Đặc điểm nào sau đây **không** phải của quần xã?

- A. Quần xã là một tập hợp các quần thể sinh vật thuộc cùng một loài, cùng sống trong một khoảng không gian nhất định.
 B. Quần xã là một tập hợp các quần thể sinh vật thuộc nhiều loài khác nhau, cùng sống trong một khoảng không gian nhất định.
 C. Các sinh vật trong quần xã có mối quan hệ gắn bó với nhau như một thể thống nhất và do vậy quần xã có cấu trúc tương đối ổn định.
 D. Các sinh vật trong quần xã thích nghi với môi trường sống của chúng, các sinh vật có mối quan hệ dinh dưỡng và quan hệ khác loài.

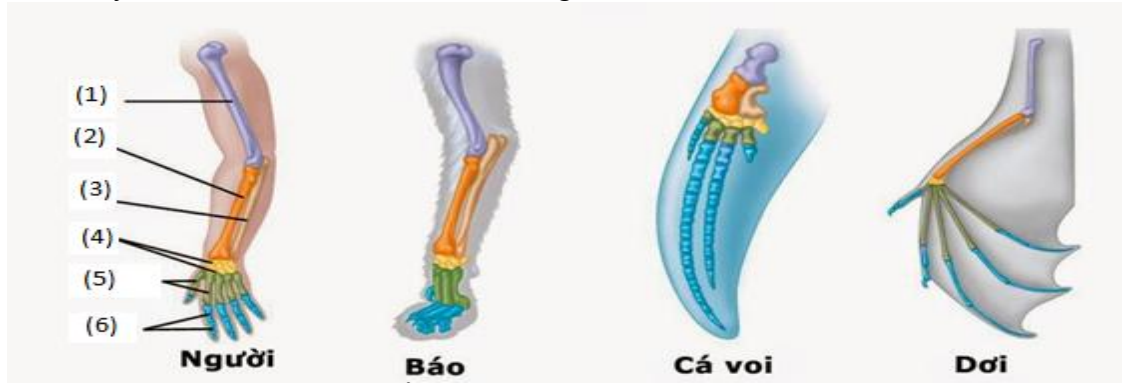
Câu 15: Đóng góp quan trọng nhất của học thuyết Đacuyn là

- A. Phát hiện nội dung và vai trò chọn lọc tự nhiên.
 B. Đưa ra khái niệm biến dị cá thể và tính chất của nó.
 C. Giải thích thành công đặc điểm thích nghi.
 D. Khẳng định sự thống nhất trong đa dạng ở sinh giới.

Câu 16: Theo quan điểm sinh thái học có thể xếp chung động vật ăn thịt và ăn cỏ vào cùng nhóm:

- A. sinh vật tiêu thụ. B. sinh vật phân giải. C. sinh vật ăn tạp. D. sinh vật sản xuất.

Câu 17: Hình sau đây mô tả về cấu trúc chi trước của người, báo, cá voi, dơi.



Phân tích hình trên, có bao nhiêu phát biểu sau đây là **đúng**?

- (1) Sự giống nhau trong cấu trúc xương chi trước của người, báo, cá voi, dơi phản ánh sự tiến hóa đồng quy.
 (2) Xương chi trước của người, báo, cá voi, dơi được gọi là cơ quan tương tự.
 (3) Sự khác nhau về chi tiết các xương trong chi trước của người, báo, cá voi, dơi phản ánh sự tiến hóa phân li.
 (4) Kiểu cấu tạo giống nhau của xương chi trước của người, báo, cá voi, dơi chứng minh các loài này có chung nguồn gốc.

- A. 1. B. 2. C. 4. D. 3.

Câu 18: Nhận định nào sau đây là **đúng** về năng lượng trong hệ sinh thái?

A. Năng lượng trong hệ sinh thái bị thất thoát chủ yếu qua chất thải và các bộ phận bị rơi rụng (lá cây, rụng lông, lột xác...).

B. Sinh vật ở bậc dinh dưỡng cao hơn tích lũy năng lượng nhiều hơn so với sinh vật ở bậc dinh dưỡng thấp hơn.

C. Nếu một chuỗi thức ăn bắt đầu bằng thực vật thì động vật ăn thực vật có mức năng lượng cao nhất trong chuỗi thức ăn.

D. Dòng năng lượng được truyền theo một chiều từ sinh vật sản xuất qua các bậc dinh dưỡng tới môi trường.

Câu 19: Cho các dữ liệu sau:

- (1) Enzyme thủy phân cắt axit amin mở đầu chuỗi polipeptit.
 (2) Riboxom tách thành hai tiểu phần bé và lớn rời khỏi mARN.
 (3) Chuỗi polipeptit hình thành bậc cấu trúc không gian của protein.
 (4) Riboxom trượt gặp bộ ba kết thúc trên mARN thì dừng lại.

Trình tự **đúng** trong giai đoạn kết thúc dịch mã là :

- A. 4 → 3 → 1 → 2. B. 4 → 2 → 1 → 3. C. 4 → 2 → 3 → 1. D. 4 → 1 → 3 → 2.

Câu 20: Khi nói về bệnh ung thư ở người, phát biểu nào sau đây là **đúng**?

A. Sự tăng sinh của các tế bào sinh dưỡng luôn dẫn đến hình thành các khối u ác tính.

B. Bệnh ung thư thường liên quan đến các đột biến gen và đột biến nhiễm sắc thể.

C. Những gen ung thư xuất hiện trong tế bào sinh dưỡng di truyền được qua sinh sản hữu tính.

D. Trong hệ gen của người, các gen tiền ung thư đều là những gen có hại.

Câu 21: Các khu sinh học (biôm) trên cạn chủ yếu trên trái đất gồm:

- (1) Rừng lá rộng rụng theo mùa và rừng hỗn tạp ôn đới. (2) Rừng ẩm thường xanh nhiệt đới.
 (3) Rừng lá kim ôn đới Bắc Bán Cầu. (4) Đồng rêu Bắc Cực.

Năng suất sơ cấp (*được sinh vật sản xuất đồng hóa*) tăng dần từ thấp đến cao theo thứ tự là:

- A. (3) → (4) → (1) → (2). B. (4) → (3) → (1) → (2).
 C. (4) → (1) → (2) → (3). D. (4) → (3) → (2) → (1).

Câu 22: Một số hiện tượng như mưa lũ, chặt phá rừng,... có thể dẫn đến hiện tượng thiếu hụt các nguyên tố dinh dưỡng như nitơ (N), photpho (P) và canxi (Ca) cần cho một hệ sinh thái, nhưng nguyên tố C hầu như không bao giờ thiếu cho các hoạt động sống của các hệ sinh thái. Đó là do

A. thực vật có thể tạo ra cacbon của riêng chúng từ nước và ánh sáng mặt trời.

B. lượng cacbon các loài sinh vật cần sử dụng cho các hoạt động sống không đáng kể.

C. nấm và vi khuẩn cộng sinh giúp thực vật dễ dàng tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả cacbon từ môi trường.

D. các nguyên tố dinh dưỡng khác có nguồn gốc từ đất còn cacbon có nguồn gốc từ không khí.

Câu 23: Trong lần phân bào I của giảm phân ở nam giới, nếu rối loạn phân ly ở cặp NST (nhiễm sắc thể) số 21 sẽ tạo ra:

- A. 2 tinh trùng thiếu 1 NST 21 và 2 tinh trùng bình thường.
- B. 2 tinh trùng thừa 1 NST 21 và 2 tinh trùng bình thường.
- C. 2 tinh trùng bình thường, 1 tinh trùng có 2 NST 21 và 1 tinh trùng không có NST 21.
- D. 2 tinh trùng thiếu 1 NST 21 và 2 tinh trùng thừa 1 NST 21.

Câu 24: Rừng là “lá phổi xanh” của Trái Đất, do vậy cần được bảo vệ. Chiến lược khôi phục và bảo vệ rừng cần tập trung vào những giải pháp nào sau đây?

- (1) Xây dựng hệ thống các khu bảo vệ thiên nhiên, góp phần bảo vệ đa dạng sinh học.
 - (2) Tích cực trồng rừng để cung cấp đủ nguyên liệu, vật liệu, dược liệu,... cho đời sống và công nghiệp.
 - (3) Khai thác triệt để các nguồn tài nguyên rừng để phát triển kinh tế xã hội.
 - (4) Ngăn chặn nạn phá rừng, nhất là rừng nguyên sinh và rừng đầu nguồn.
 - (5) Khai thác và sử dụng triệt để nguồn tài nguyên khoáng sản.
- A. (3), (4), (5). B. (1), (3), (5). C. (1), (2), (4). D. (2), (3), (5).

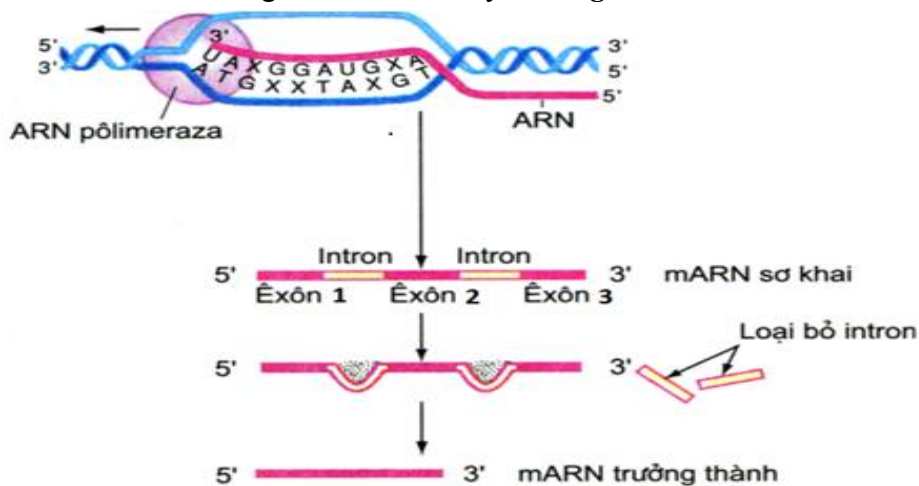
Câu 25: Trong một hệ sinh thái, năng lượng của mỗi bậc dinh dưỡng được kí hiệu bằng các chữ từ A đến E. Trong đó: A = 500 kcal; C = 5000 kcal; D = 50 kcal; E = 5 kcal. Xác định hiệu suất năng lượng ở bậc cuối cùng so với bậc năng lượng trước đó là bao nhiêu?

- A. 5%. B. 1%. C. 50%. D. 10%.

Câu 26: Trong các phép lai dưới đây, có bao nhiêu phép lai có thể tạo ra con lai có kiểu gen dị hợp về cả ba cặp gen?

- (1) AaBbDd x AaBbDd . (2) AaBBDD x AaBBDD . (3) AaBBDD x AaBbDD .
 - (4) AABBDd x AAbbDd . (5) AabbDD x AABBDd . (6) aabbDd x AaBbdd .
- A. 3. B. 6. C. 4. D. 5.

Câu 27: Hình bên dưới mô tả quá trình phiên mã và quá trình cắt bỏ các đoạn intron, nối các đoạn êxôn. Quan sát hình bên dưới và cho biết khẳng định nào sau đây là **đúng**?



- A. Quá trình này thực hiện theo nguyên tắc bổ sung A-U, G-X, và ngược lại.
- B. Đây là quá trình phiên mã ở tế bào nhân thực, sự cắt bỏ intron, nối các êxôn diễn ra tế bào chất
- C. Đây là quá trình phiên mã ở tế bào nhân sơ, sự cắt bỏ intron, nối các êxôn diễn ra trong nhân.
- D. Đây là quá trình phiên mã ở tế bào nhân thực, sự cắt bỏ intron, nối các êxôn diễn ra trong nhân.

Câu 28: Xét 1 gen gồm 2 alen (A, a) nằm trên nhiễm sắc thể thường. Tỷ lệ alen A trong giao tử đực của quần thể ban đầu là 0,5. Qua ngẫu phối, quần thể F₂ đạt cân bằng với cấu trúc di truyền là 0,36AA : 0,48Aa : 0,16aa. Tỷ lệ mỗi alen trong giao tử cái ở quần thể ban đầu là:

- A. A : a = 0,6 : 0,4. B. A : a = 0,7 : 0,3. C. A : a = 0,5 : 0,5. D. A : a = 0,8 : 0,2.

Câu 29: Ở đậu Hà Lan, gen A quy định hạt vàng, a quy định hạt xanh, B quy định hạt trơn, b quy định hạt nhăn. Hai cặp gen này di truyền phân ly độc lập với nhau. Xét phép lai P: AaBb x AaBb

Cho các ý sau:

- (1) Đời F₁ có 9 loại kiểu gen và 4 loại kiểu hình.
- (2) Đời F₁ có tỷ lệ kiểu gen dị hợp chiếm 4/9.
- (3) Đời F₁ có tỷ lệ vàng, nhăn thuần chủng là 1/16.
- (4) Xét trong số kiểu hình vàng trơn ở đời F₁, tỷ lệ vàng trơn có kiểu gen dị hợp 2 cặp gen là 4/9.

Có bao nhiêu ý **đúng**?

- A. 4. B. 1. C. 3. D. 2

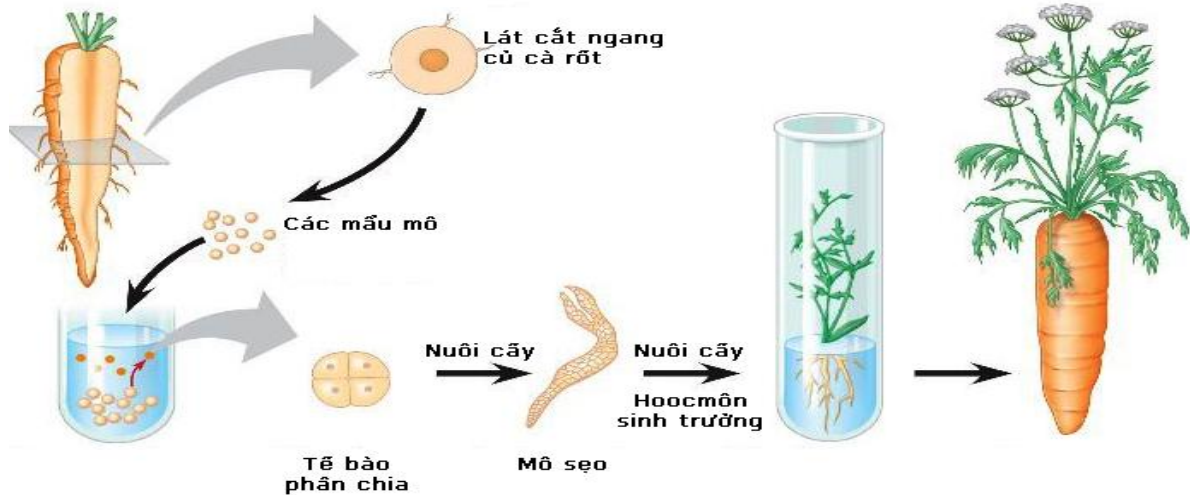
Câu 30: Một quần thể sóc gồm 160 cá thể trưởng thành sống ở một vườn thực vật có tần số của alen D là 0,9. Một quần thể sóc khác sống ở khu rừng bên cạnh có tần số alen này là 0,5. Do thời tiết mùa đông khắc nghiệt đột ngột, 40 con sóc trưởng thành có tần số alen không đổi từ quần thể trong rừng di cư sang quần thể vườn thực vật để tìm thức ăn và hòa nhập vào quần thể sóc trong vườn thực vật. Tần số alen D của quần thể sóc trong vườn thực vật sau sự di cư này được mong đợi là bao nhiêu?

- A. 0,90. B. 0,82. C. 0,72. D. 0,60.

Câu 31: Tính trạng chiều cao thân ở một loài thực vật do một gen gồm hai alen quy định, trong đó A quy định thân cao; a quy định thân thấp. Cho các cây thân cao (P) tự thụ phấn, F₁ thu được tỉ lệ kiểu hình 15 cây cao : 1 cây thấp. Ở (P) tỉ lệ cây có kiểu gen dị hợp chiếm tỉ lệ:

- A. 25%. B. 50%. C. 75%. D. 12,5%.

Câu 32: Hình bên dưới mô tả các giai đoạn trong nuôi cấy mô thực vật. Quan sát hình và cho biết có bao nhiêu phát biểu **đúng**?



(1) Phương pháp nuôi cấy mô và tế bào dựa trên cơ sở tế bào học là quá trình giảm phân, nguyên phân và thụ tinh.

(2) Quy trình của phương pháp này: Tế bào của cây được nuôi cấy để tạo thành mô sẹo → biệt hoá thành các mô khác nhau → tái sinh ra cây trưởng thành.

(3) Mô sẹo là nhóm tế bào đã biệt hoá (chuyên hóa) có khả năng sinh trưởng mạnh.

(4) Bằng phương pháp này có thể góp phần duy trì ưu thế lai ở thực vật.

- A. 2. B. 4. C. 3. D. 1.

Câu 33: Cho lai 2 dòng lúa mì P: ♂ AaBB × ♀ Aabb. Hai cặp gen nằm trên hai cặp nhiễm sắc thể thường khác nhau và không xảy ra đột biến gen. Tính theo lí thuyết, nhận xét nào sau đây **không** đúng?

A. Trong giảm phân cặp Aa của cây ♀ không phân li, cây ♂ giảm phân bình thường, kết quả thụ tinh tạo thể lệch bội $2n + 1$: AAAbb, AAaBb, aaaBB.

B. Sự phân li bất thường của nhiễm sắc thể xảy ra trong giảm phân, kết quả thụ tinh tạo con lai $3n$ có kiểu là: AAaBBb, AAABbb, AaaBbb.

C. Quá trình giảm phân của hai cơ thể mang lai diễn ra bình thường. Con lai tự đa bội $4n$ có các kiểu gen: AAAABBbb, aaaaBBbb, AAaaBBbb.

D. Trong giảm phân cặp Aa của cây ♂ không phân li, cây ♀ giảm phân bình thường, kết quả thụ tinh tạo thể lệch bội $2n + 1$: AaaBb, AAABb, aaaBb.

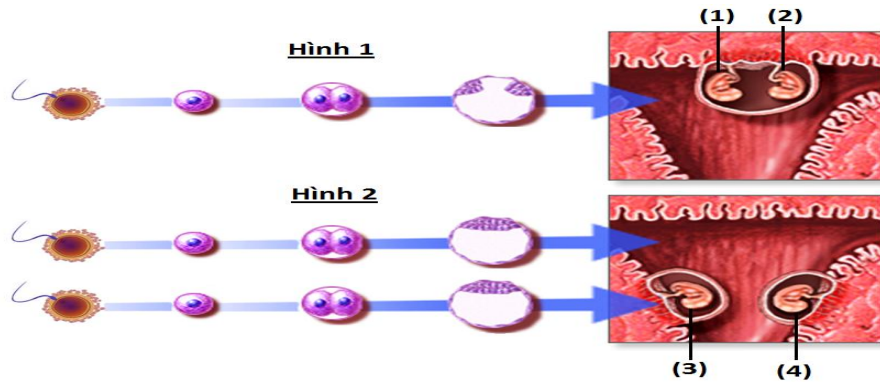
Câu 34: Ở một loài thực vật, gen D quy định quả tròn trội hoàn toàn so với gen d quy định quả dài; Gen R quy định quả màu đỏ trội hoàn toàn so với gen r quy định quả màu trắng. Hai cặp gen nằm trên NST thường và phân li độc lập. Ở thế hệ F₁ cân bằng di truyền có 14,25% cây tròn đỏ; 4,75% tròn trắng; 60,75% dài đỏ; 20,25% dài trắng. Cho các cây dài, đỏ F₁ giao phấn ngẫu nhiên. Sự phân tính kiểu hình ở F₂ là:

- A. 13 dài, đỏ : 3 dài, trắng. B. 3 dài, đỏ : 1 dài, trắng.
C. 8 dài, đỏ : 1 dài, trắng. D. 15 dài, đỏ : 1 dài, trắng.

Câu 35: Xét một quần thể có cấu trúc di truyền như sau: 0,3AA : 0,6Aa : 0,1aa. Trong quá trình giảm phân hình thành giao tử xảy ra đột biến thuận với tần số 10%. Nếu quần thể trên tự thụ phấn bắt buộc thì tỉ lệ cá thể ở trạng thái dị hợp ở thế hệ sau là:

- A. 0,3645. B. 0,3225. C. 0,351. D. 0,2845.

Câu 36: Hình bên dưới mô tả về quá trình sinh sản ở người. Quan sát hình và cho biết có bao nhiêu khẳng định sau đây là **đúng**?



- (1) Hình 1 là hiện tượng sinh sản vô tính, hình 2 là sinh sản hữu tính ở người.
- (2) Các đứa trẻ từ (1), (2), (3) và (4) được hình thành từ 4 tinh trùng và 4 trứng.
- (3) Xác suất để hai đứa trẻ (1) và (2) có cùng nhóm máu là 100%.
- (4) Xác suất để hai đứa trẻ (3) và (4) có cùng nhóm máu là 50%.
- (5) Xác suất để hai đứa trẻ (1) và (2) có cùng giới tính là 100%.
- (6) Xác suất để hai đứa trẻ (3) và (4) có cùng giới tính là 50%.

A. 5. B. 1. C. 4. D. 3.

Câu 37: Ở một loài thực vật, màu sắc hoa do một gen có 2 alen quy định, alen A quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định hoa trắng; Chiều cao cây do hai cặp gen B,b và D,d cùng quy định. Cho cây thân cao, hoa đỏ dị hợp về cả ba cặp gen (kí hiệu là cây M) lai với cây đồng hợp lặn về cả ba cặp gen trên, thu được đời con gồm: 140 cây thân cao, hoa đỏ; 360 cây thân cao, hoa trắng; 640 cây thân thấp, hoa trắng; 860 cây thân thấp, hoa đỏ. Kiểu gen của cây M có thể là

A. $Aa \frac{Bd}{bD}$. B. $AaBbDd$. C. $\frac{AB}{ab}Dd$. D. $\frac{Ab}{aB}Dd$.

Câu 38: Ở một loài thực vật, A quy định thân cao trội hoàn toàn so với a quy định thân thấp. Gen B át chế sự biểu hiện của A và a (Kiểu gen chứa B sẽ cho thân thấp). Alen lặn b không át chế. Gen D quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với d quy định hoa xanh. Gen A và D cùng nằm trên cùng 1 cặp NST, gen B nằm trên cặp NST khác. Cho cây dị hợp về tất cả các cặp gen P tự thụ phân, đời F_1 thu được 4 loại kiểu hình trong đó kiểu hình thân cao, hoa xanh chiếm tỉ lệ 5,25%. Biết mọi diễn biến trong giảm phân ở tế bào sinh noãn và sinh hạt phấn như nhau. Lấy ngẫu nhiên 1 cá thể F_1 , xác suất để thu được cây có kiểu hình thân thấp, hoa xanh là:

A. 55,25% B. 19,75%. C. 61,5% D. 13,5%

Câu 39: Ở một loài (XX: cái, XY: đực), cho P: $AAaaBb \frac{De}{de} X^F X^f \times aaaaBb \frac{de}{de} X^F Y$. Biết các gen trội hoàn toàn và tác động riêng rẽ. Trong quá trình giảm phân tạo giao tử không phát sinh đột biến. Theo lí thuyết, trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu **đúng**?

- (1) Số loại kiểu gen ở đời F_1 là 72.
- (2) Số loại kiểu hình (tính cả giới tính) ở đời F_1 là 32.
- (3) Tỉ lệ kiểu gen ở đời F_1 là $(1 : 1 : 1 : 1)(1 : 4 : 1)(1 : 2 : 1)(1 : 1)$.
- (4) Tỉ lệ kiểu hình ở đời F_1 là $(5 : 1)(1 : 1)(1 : 1 : 1 : 1) (3 : 1)$.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 40: Tế bào lưỡng bội của ruồi giấm ($2n = 8$) có khoảng 4.10^8 cặp nuclêôtit. Nếu chiều dài trung bình của 1 NST ruồi giấm ở kì giữa dài khoảng 4 μm thì nó cuộn chặt lại và làm ngắn đi bao nhiêu lần so với chiều dài kéo thẳng của phân tử ADN?

A. 6000. B. 3000. C. 4250. D. 2150.

----- HẾT -----

Cán bộ coi thi không giải thích đề thi !

Đáp Án Mã đề: 745

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A																				
B																				
C																				
D																				

	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
A																				
B																				
C																				
D																				